TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG TÍN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 01/12/2023
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Thu Hương

Ông Dương Minh Khương

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Ông Tô Quốc Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 214/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST ngày 20/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị L** – sinh năm 1986 (*có mặt)*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Vĩnh L1, xã Thư P, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Lê Đình C** - sinh năm 1983 *(vắng mặt)*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Vĩnh L1, xã Thư P, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành án tại đội 50, phân trại số 01- Trại giam số 03, xã Nghĩa D, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/7/2023 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Lê Đình C được tự do tự nguyện tìm hiểu và về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thư P, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) ngày 29/7/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng chị tại thôn Vĩnh L1, xã Thư P, huyện Thường Tín, TP Hà Nội. Từ thời điểm kết hôn anh C đã bị nghiện ma túy đến nay đã được hơn 15 năm và không cai nghiện được. Do anh C nghiện ma túy nên không chịu làm ăn, mọi công việc kinh tế gia đình đều do mình chị lo toan gánh vác, bản thân chị nhận thấy bế tắc vì không có chỗ dựa về tinh thần và vật chất về phía chồng. Nhiều năm vợ chồng chung sống với nhau chỉ tồn tại nghĩa vụ và trách nhiệm lo cho các con khôn lớn, không có tình yêu thương giữa các bên. Ngày 27/12/2021, anh C bị TAND huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội kết án phạt tù 51 tháng về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» và hiện đang chấp hành án tại trại giam số 3, xã Nghĩa D, huyện Tân K, tỉnh Nghệ An. Từ thời điểm anh C đi chấp hành án đến nay chị thăm hỏi anh C một lần duy nhất và sau đó không đến nữa. Bản thân chị không còn tình cảm với anh C và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Lê Thị Huyền Trang, sinh ngày 25/8/2003 và cháu Lê Anh Dũng sinh ngày 14/11/2004. Cháu Huyền T và cháu Dũng đều sinh trước thời điểm anh chị đăng ký kết hôn nhưng là con chung của anh chị. Các con anh chị đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: vợ chồng chị không tranh chấp gì về tài sản chung, nợ chung và chị L không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Lê Đình C có lời khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L về chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thư P, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội như chị L khai là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc đến ngày 16/9/2021 anh bị bắt tạm giam về hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" và sau đó bị kết án phạt tù hiện anh đang chấp hành án tại trại giam số 03 tỉnh Nghệ An. Anh còn tình cảm với chị L nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2003 và cháu Lê Anh D sinh ngày 14/11/2004. Các con anh chị đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: anh C và chị L không tranh chấp về tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà:

+Chị L vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

+Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

-Về nội dung: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Đình C . Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2003 và cháu Lê Anh D sinh ngày 14/11/2004. Các con anh chị đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: các bên đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28- Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Đình C không có đơn xét xử vắng mặt, do đang chấp hành án nên vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử vắng mặt anh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đình C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 29/7/2008 tại UBND xã Thư P, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội). Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Qua lời khai của các đương sự, xác minh tại địa phương nơi anh chị chung sống và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 27/12/2021 anh C bị TAND huyện Thường Tín,

Thành phố Hà Nội xử phạt 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt 15 tháng tù của bản án số 62/2016/HSST ngày 05/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, buộc chấp hành hình phạt chung là 51 tháng tù. Anh C là người nghiện ma túy đã nhiều năm như chị L khai có căn cứ. Chị L thừa nhận từ ngày anh C đi chấp hành án chị vào thăm một lần và từ đó không thăm hỏi nữa. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy, mặc dù anh C không đồng ý ly hôn nhưng tình cảm yêu thương gắn kết gia đình phải từ hai bên, chị L xác nhận không còn tình cảm với anh C . Qua xác minh bố đẻ của anh C cho biết sau khi anh C đi chấp hành án thì chị L không quan tâm đến gia đình, vài tháng gần đây đi khỏi nhà sinh sống chỗ khác. Như vậy, thể hiện cuộc sống vợ chồng của anh chị không hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 51, 56 - Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Đình C .

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2003 và cháu Lê Anh D sinh ngày 14/11/2004. Các con anh chị đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L , anh C không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[6]Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

***Áp dụng*:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 51, 56, 57 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.

- Điểm a khoản 5- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L . Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Đình C .

2. Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Lê Thị Huyền T, sinh ngày 25/8/2003 và cháu Lê Anh D sinh ngày 14/11/2004. Các con anh chị đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L , anh C không tranh chấp và không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét. Trường hợp các bên có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại biên lai số AA/2020/0023467 ngày 27/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Đình C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội
- Chi cục THA huyện Thường Tín
- UBND xã Thư P, huyện Thường Tín, TP Hà Nội
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền